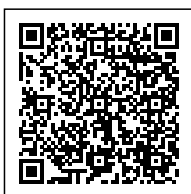


DANH SÁCH NHÂN SỰ BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH AN GIANG NHIỆM KỲ 2022-2027



DANH SÁCH NHÂN SỰ BTS GHPGVN TỈNH AN GIANG NHIỆM KỲ 2022-2027



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Số: 190/QĐ-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang
nhiệm kỳ 2022 - 2027**

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Căn cứ điều 29, 30, 31, 33 chương VI Hiến chương GHPGVN (Tu chỉnh lần thứ VI);

Căn cứ mục 2 điều 32 Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;

Căn cứ công văn số 102/BTG-NV ngày 31/3/2022 của Ban Tôn giáo tỉnh An Giang;

Căn cứ đề nghị số 028/CV-BTS ngày 20/4/2022 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang, V/v đề nghị chuẩn y nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang, nhiệm kỳ VII (2022 - 2027).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang nhiệm kỳ VII (2022 - 2027), gồm 07 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 04 thành viên Chứng minh Phân ban Ni giới; 68 thành viên Ban Trị sự (Ban Thường trực: 27 vị, Ủy viên: 36 vị, Ủy viên dự khuyết: 05 vị) do Hòa thượng Thích Thiện Thống làm Trưởng Ban Trị sự (danh sách đính kèm).

Điều 2: Tổng Thư Ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang và các vị có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 “để thực hiện”
- Ban TGCP, Vụ PG “để b/c”
- UBND, BDV, UBMTTQVN, BTG/SNV tỉnh An Giang “để biết”
- Lưu VP1 - VP2

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

CHỦ TỊCH

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÂN SỰ BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH AN GIANG
KHÓA VI, NHIỆM KỲ 2022 - 2027
(Kèm theo Quyết định số 190/QĐ-HĐTS ngày 22/04/2022)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 07 VỊ

1. Hòa thượng Châu Ty

2. Hòa thượng Châu Sung
3. Hòa thượng Thích Giác Vạn
4. Hòa thượng Thích Giác Dũng
5. Hòa thượng Thích Bửu Thành
6. Hòa thượng Thích Huệ Tài
7. Hòa thượng Thích Thiện Hỷ.

B. CHỨNG MINH PHÂN BAN NI GIỚI: 04 VỊ

1. Ni trưởng Thích nữ Như Hoa
2. Ni trưởng Thích nữ Hoa Liên
3. Ni trưởng Thích nữ Như Lý
4. Ni trưởng Thích nữ Như Định

C. BAN TRỊ SỰ: 68 VỊ (63 chính thức, 05 dự khuyết)

I. BAN THƯỜNG TRỰC: 27 VỊ

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1.	HT. Thích Thiện Thống (Nguyễn Văn Ninh)	1962	Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng ban Tăng sự
2.	HT. Châu Sơn Hy	1962	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng ban Kiểm soát
3.	HT. Châu Cắt	1954	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
4.	HT. Danh Thiệp	1961	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng ban Thông tin Truyền thông
5.	HT. Châu Prós	1966	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
6.	HT. Thích Thiện Bình (Nguyễn Văn Phì)	1956	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
7.	HT. Thích Tôn Quảng (Thái Nam)	1957	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng ban Từ thiện Xã hội
8.	HT. Thích Thiện Tài (Lê Phú Thọ)	1957	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng ban Pháp chế

9.	TT. Thích Viên Quang (Huỳnh Tuấn Dũng)	1978	Phó Trưởng ban, Chánh Thư ký BTS, Trưởng ban Giáo dục Phật giáo
10.	NT. Thích nữ Như Quang (Lâm Thị Ánh)	1955	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, Trưởng Phân ban Ni giới
11.	NS. Thích nữ Như Thơ (Trần Thị Hón)	1962	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
12.	NS. Thích nữ Như Mai (Nguyễn Thị Hoài Mỹ)	1968	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
13.	ĐĐ. Thích Viên Minh (Nguyễn Minh Trí)	1984	Phó Thư ký, Chánh Văn phòng BTS
14.	TT. Chau Hùng	1975	Phó Thư ký
15.	ĐĐ. Thích Bửu Ngọc (Phan Thanh Vân)	1980	Phó Thư ký
16.	NS. Thích nữ Huệ Liên (Nguyễn Thị Bích Loan)	1956	Thủ quỹ
17.	ĐĐ. Thích Thiện Danh (Giang Hưng Khôi)	1983	Trưởng ban Văn hóa
18.	TT. Thích Giác Tín (Nguyễn Hữu Trường)	1971	Trưởng ban Hoằng pháp
19.	ĐĐ. Thích Pháp Thiện (Lý Dương Thuyên)	1976	Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử
20.	TT. Thích Thiện Viên (Trần Văn Bé Chín)	1969	Trưởng ban Nghi lễ
21.	ĐĐ. Thích Đạt Ma Đạt Tĩnh (Dương Bá Hồng)	1984	Trưởng ban Kinh tế Tài chánh
22.	HT. Chau Sóc Khên	1967	Ủy viên Thường trực
23.	TT. Thích Thiện Lợi (Nguyễn Phú Lộc)	1965	Ủy viên Thường trực
24.	TT. Thích Thường Tấn (Phạm Hùng Dũng)	1962	Ủy viên Thường trực
25.	TT. Thích Thiện Hỷ (Đỗ Văn Tám)	1966	Ủy viên Thường trực
26.	TT. Thích Thiện Cửu (Đỗ Văn Chính)	1968	Ủy viên Thường trực

27. **ĐĐ. Thích Thiện Định**
(Trần Vũ Phương) 1984 Ủy viên Thường trực

II. ỦY VIÊN: 36 VỊ

28. **TT. Thích Huệ Thống**
(Nguyễn Thanh Hồng) 1971 Ủy viên

29. **TT. Thích Thiện Thành**
(Trương Văn Thành) 1973 Ủy viên

30. **TT. Thích Thiện Nghĩa**
(Phạm Văn Cường) 1960 Ủy viên

31. **TT. Thích Giác Thanh**
(Huỳnh Thanh Phong) 1965 Ủy viên

32. **TT. Thích Thiện Giác**
(Lâm Hồ Quân) 1972 Ủy viên

33. **TT. Thích Thiện Nghĩa**
(Nguyễn Thanh Tùng) 1970 Ủy viên

34. **TT. Thích Giác Nguyên**
(Nguyễn Thanh Dũng) 1968 Ủy viên

35. **TT. Châu Rương** 1976 Ủy viên

36. **TT. Châu Pronh** 1965 Ủy viên

37. **TT. Châu Kim Sinh** 1976 Ủy viên

38. **ĐĐ. Thích Huệ Tâm**
(Nguyễn Văn Bé) 1979 Ủy viên

39. **ĐĐ. Thích Huệ Phước**
(Nguyễn Văn Hậu) 1975 Ủy viên

40. **ĐĐ. Thích Thiện Ngộ**
(Trần Thanh Tú) 1976 Ủy viên

41. **ĐĐ. Thích Giác Thống**
(Lê Phước Rổng) 1959 Ủy viên

42. **ĐĐ. Thích Vạn Đức**
(Đình Công Trịch) 1965 Ủy viên

43.	ĐĐ. Thích Vạn Tài (Nguyễn Văn Giàu)	1988	Ủy viên
44.	ĐĐ. Thích Thiện Thông (Trần Minh Kiên)	1967	Ủy viên
45.	ĐĐ. Thích Thiện Tịnh (Dương Duy Quốc)	1983	Ủy viên
46.	ĐĐ. Thích Chơn Ngã (Huỳnh Thanh Tiệp)	1971	Ủy viên
47.	ĐĐ. Thích Minh Điền (Đình Nguyễn An Điền)	1975	Ủy viên
48.	ĐĐ. Thích Tánh Đức (Trần Bé Chín)	1985	Ủy viên
49.	ĐĐ. Thích Trí Hiếu (Hà Văn Phương)	1979	Ủy viên
50.	ĐĐ. Đỗ Văn Ninh (Đỗ Văn Ninh)	1975	Ủy viên
51.	ĐĐ. Chau Sóc Vành	1989	Ủy viên
52.	NS. Thích nữ Thuận Liên (Trịnh Thị Sen)	1959	Ủy viên
53.	SC. Thích nữ Diệu Khả (Dương Ngọc Hạnh)	1972	Ủy viên
54.	Cư sĩ Lý Thăng Quyền	1955	Ủy viên
55.	Cư sĩ Nguyễn Thị Mai Xuân	1958	Ủy viên
56.	ĐĐ. Thích Thiện Tài (Nguyễn Minh Vũ)	1984	Ủy viên
57.	NT. Thích nữ Ý Liên (Trịnh Thu Hà)	1958	Ủy viên
58.	ĐĐ. Thích Minh Tâm (Võ Thanh Phong)	1975	Ủy viên
59.	SC. Thích nữ Diệu Thuận (Lê Thị Ngọc Tiên)	1987	Ủy viên
60.	TT. Thích Thiện Căn (Mai Văn Phan)	1960	Ủy viên

- | | | | |
|-----|--------------------------|------|---------|
| 61. | TT. Chau Chhonne | 1975 | Ủy viên |
| 62. | TT. Chau Sóc Khol | 1977 | Ủy viên |
| 63. | TT. Chau Sóc Rinh | 1984 | Ủy viên |

III. ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT: 05 VỊ

- | | | | |
|-----|---|------|-------------------|
| 64. | ĐĐ. Chau Chom | 1982 | Ủy viên dự khuyết |
| 65. | ĐĐ. Chau Rươn | 1984 | Ủy viên dự khuyết |
| 66. | ĐĐ. Chau Nhunh | 1990 | Ủy viên dự khuyết |
| 67. | TT. Thích Thiện Ninh
(Trịnh Thanh Sang) | 1973 | Ủy viên dự khuyết |
| 68. | ĐĐ. Thích Thiện Hiếu
(Thái Hồng Sơn) | 1965 | Ủy viên dự khuyết |